

Thốt Nốt, ngày 20 tháng 4 năm 2021

Số: 61/2021/QĐST-DS

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 12 tháng 4 năm 2021 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 166/2020/TLST-DS ngày 04 tháng 6 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng thương mại cổ phần Đ.**

Địa chỉ: Số 22 Ngô Q, phường TT, quận HK, HN.

Đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Đình L**, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện ủy quyền: Ông **Võ Duy Thế P**, sinh năm 1989, chức vụ: Chuyên viên thuộc Chi nhánh T – Phòng giao dịch TN.

Địa chỉ: Số 14C đường 30/4, phường XK, quận NK, thành phố CT (Theo văn bản ủy quyền số 2577/UQ-PVB ngày 06/11/2019).

Bị đơn:

1. Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1954.

2. Ông **Nguyễn Văn K**, sinh năm 1952. (chết ngày 13.7.2020)

Cùng địa chỉ: Khu vực 1, phường TL, quận TN, thành phố CT.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông K:

1. Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1954.

2. Ông **Nguyễn Văn M**, sinh năm: 1975.

3. Ông **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm: 1979.

4. Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm: 1980.

5. Ông **Nguyễn Văn N**, sinh năm: 1982.

6. Ông **Nguyễn Văn B**, sinh năm: 1983.

Cùng địa chỉ: Khu vực 1, phường TL, quận TN, thành phố CT.

7. Ông **Nguyễn Văn M1**, sinh năm: 1977.

Địa chỉ: Khu vực TP 1, phường TH, quận TN, thành phố CT.

Đại diện theo ủy quyền của ông M, M1, Đ, T, N và B: Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1954. (Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 06.4.2021)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Nguyễn Văn B**, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Khu vực 1, phường TL, quận TN, thành phố CT.

2. Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm: 1968.

Địa chỉ: Khu vực TP 1, phường TH, quận TN, thành phố CT.

3. Ông **Nguyễn Văn M**, sinh năm: 1975.

4. Ông **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm: 1979.

5. Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm: 1980.

6. Ông **Nguyễn Văn N**, sinh năm: 1982.

Cùng địa chỉ: Khu vực 1, phường TL, quận TN, thành phố CT.

7. Ông **Nguyễn Văn M1**, sinh năm: 1977.

Địa chỉ: Khu vực TP 1, phường TH, quận TN, thành phố CT.

Đại diện theo ủy quyền của ông M, M1, Đ, T, N và B: Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1954. (Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 06.4.2021)

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bị đơn bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn M, ông Nguyễn Văn M1, ông Nguyễn Văn Đ, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị L là những người kế thừa nghĩa vụ của ông Nguyễn Văn K để lại phải có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ số tiền tính đến ngày 08/4/2021 là **2.103.366.000 đồng** (*Hai tỷ một trăm lẻ ba triệu ba trăm sáu mươi sáu ngàn đồng*), trong đó nợ gốc là 498.065.201 đồng và nợ lãi tính đến ngày 08/4/2021 là 1.605.300.799 đồng.

Từ ngày 09.4.2021 cho đến khi thi hành án xong, bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn M, ông Nguyễn Văn M1, ông Nguyễn Văn Đ, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Văn B còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền

còn phải thi hành án, theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 130/2011/HĐHM-CN.TN ngày 14/4/2011.

Phạm vi thực hiện nghĩa vụ trả tiền là tài sản của bà Nguyễn Thị L và trong phạm vi di sản do ông K để lại cho những người hưởng thừa kế.

Về thời gian và cách thức trả sẽ do Chi cục Thi hành án giải quyết theo thẩm quyền.

Ngân hàng thương mại cổ phần Đ phải trả lại cho bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn M, ông Nguyễn Văn M1, ông Nguyễn Văn Đ, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Văn B các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành Đ003701, số vào sổ 00460 do UBND quận TN 26.4.2004; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành Đ028077, số vào sổ 00441 do UBND quận TN 24.3.2004 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành V538025, số vào sổ 00060 do UBND quận TN 04.7.2001 khi thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán.

Trường hợp bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn M, ông Nguyễn Văn M1, ông Nguyễn Văn Đ, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Văn B không thanh toán số nợ trên thì Ngân hàng thương mại cổ phần Đ có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản đã thế chấp là quyền sử dụng đất tại các thửa 1524,1525,1526,1528, đều thuộc tờ bản đồ số 07 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số:130/2011/HĐTC – CN.TN ngày 13.4.2011 các bên đã ký để thu hồi nợ.

Đối với bà Nguyễn Thị H do không có yêu cầu Tòa án giải quyết hợp đồng cố đất, nếu phát sinh tranh chấp thì sẽ khởi kiện thành vụ kiện khác.

Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn M, ông Nguyễn Văn M1, ông Nguyễn Văn Đ, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Văn B phải có trách nhiệm liên đới nộp 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm ngàn đồng). Do nguyên đơn đã tạm ứng chi phí thẩm định nên bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn M, ông Nguyễn Văn M1, ông Nguyễn Văn Đ, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Văn B phải có trách nhiệm liên đới thanh toán số tiền 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm ngàn đồng) cho nguyên đơn.

Về án phí : Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn M, ông Nguyễn Văn M1, ông Nguyễn Văn Đ, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Văn B phải có trách nhiệm liên đới nộp 37.034.000 tiền án phí (Ba mươi bảy triệu không

trăm ba mươi bốn nghìn đồng). Tuy nhiên, do bà L là người cao tuổi thuộc trường hợp miễn án phí nên ông Nguyễn Văn M, ông Nguyễn Văn M1, ông Nguyễn Văn Đ, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn N và ông Nguyễn Văn B phải có trách nhiệm liên đới nộp: = 37.034.000 - (37.034.000/7 người)/ 2 (Giảm 50% án phí) =15.872.000 đồng (Mười lăm triệu tám trăm bảy mươi hai ngàn đồng). Đã xét giảm 50% án phí theo quy định.

Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Đ được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 40.405.800 đồng (Bốn mươi triệu bốn trăm lẽ năm ngàn tám trăm đồng) theo biên lai thu số 012199 ngày 22/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận TN.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7,7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND quận TN;
- THA quận TN;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Đoàn Thị Trung Thu